TAND HUYỆN P **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2025/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 21 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Đăng V, sinh năm 1989;

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

- Chị Lê Thị D, sinh năm 1991;

Nơi đăng ký HKTT: thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Nơi ở hiện nay: thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Hải X, sinh ngày 15/10/2018;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Nơi ở hiện nay: thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

+ Cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 25/12/2020;

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu X và cháu D: Anh Nguyễn Đăng V và chị Lê Thị D là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Đăng V và chị Lê Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND

xã Đ, huyện P ngày 03/3/2017 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị D là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường, đến năm 2021 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong công việc cũng như cách ứng xử trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Cuối năm 2024 anh V và chị D sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn liên lạc và không còn trách nhiệm gì với nhau nữa. Đến nay, anh V và chị D đều nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng dành cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn và cùng yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung:* Anh Nguyễn Đăng V và chị Lê Thị D xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải X, sinh ngày 15/10/2018 và cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 25/12/2020. Ly hôn, chị D và anh V thoả thuận thống nhất, giao cháu Nguyễn Hải X cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 04/2025 cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Đăng D cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 04/2025 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh V và chị D thoả thuận, mỗi người nuôi dưỡng một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị D và anh Nguyễn Đăng V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh V và chị D đều xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án:* Anh V và chị D thỏa thuận, anh V tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 11/4/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân* Anh Nguyễn Đăng V và chị Lê Thị D thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Nguyễn Đăng V và chị Lê Thị D xác nhận, vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải X, sinh ngày 15/10/2018 và cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 25/12/2020. Ly hôn, chị D và anh V thoả thuận thống nhất, giao cháu Nguyễn Hải X cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng

04/2025 cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Đăng D cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 04/2025 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh V và chị D thoả thuận, mỗi người nuôi dưỡng một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị D và anh Nguyễn Đăng V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Nguyễn Đăng V và chị Lê Thị D đều xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Anh Nguyễn Đăng V và chị Lê Thị D thỏa thuận, anh V tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0004580 ngày 02/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên. Anh V đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ, GCNKH số 24/2017;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền